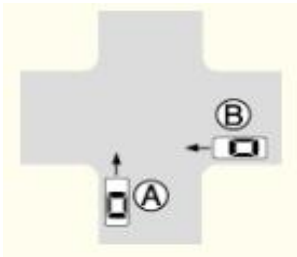




歩行者（ほこうしゃ）がいなければ、この標示（ひょうじ）の中（なか）を車（くるま）は通行（つうこう）することができる
 Nếu không có người đi bộ, xe có thể đi qua phạm vi được chỉ dẫn này.



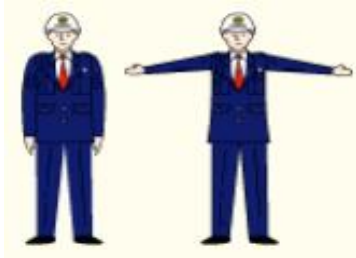
道幅（どうふく）が同じ（おなじ）ような図（ず）のような交差点（こうさてん）に差（さ）しかかったときは、B車（くるま）はA車（くるま）の通行（つうこう）を妨（さまた）げてはならない。
 Khi tiếp cận một ngã tư có đường rộng tương tự như trong hình vẽ, Xe B không được cản trở sự thông qua của Xe A.



標識（ひょうしき）は、すべりやすい（すべりやすい）ことを表（あらわ）している。
 Biển báo này chỉ ra rằng đường trơn trượt.



図（ず）のような運転者（うんてんしゃ）の手（て）による合図（ごうず）は、徐行（じょこう）か停止（ていし）をするときの合図（ごうず）である。
 Cử chỉ do người lái xe như trong hình chỉ là tín hiệu để thực hiện giảm tốc độ hoặc dừng lại.



2人（ふたり）の警察官（けいさつかん）の手信号（てしんごう）に対面（たいめん）する交通（こうつう）は、同じ（おなじ）意味（いみ）である。
Giao thông đối diện với tín hiệu tay của hai cảnh sát có cùng ý nghĩa.

クリープ現象（げんしょう）とは、オートマチック車（しりんしゃ）のチェンジレバーを「D」の位置（いち）に入（い）れ、アクセルペダルを軽（かる）く踏（ふ）んだときに走（はし）り出（だ）す現象（げんしょう）をいう。
Hiện tượng "Creep" là khi bạn đặt cần số xe tự động (xe bốn bánh) vào vị trí "D" và nhẹ nhàng đạp chân ga thì xe bắt đầu di chuyển.

左側（ひだりがわ）部分（ぶぶん）の幅（はば）が6メートル未満（みまん）の見通（みとお）しのよい道路（どうろ）では、右（みぎ）の部分（ぶぶん）にはみ出（で）してほかの車（くるま）を追（お）い越（こ）すことができる。
Trên đoạn đường rộng dưới 6 mét ở phần bên trái và có tầm nhìn tốt, bạn có thể vượt xe khác bằng cách lấn sang phần bên phải.

駐車車両（ちゅうしゃしゃりょう）の側方（そくほう）を通行（つうこう）するときは、急（きゅう）にドアが開（あ）いたり、車（くるま）のかげからの人（ひと）の飛（と）び出（だ）しなどを予測（よそく）して、速度（そくど）を落（お）とすなど注意（ちゅうい）しながら走行（そうこう）した方（ほう）がよい。
Khi đi qua phía bên cạnh xe đậu, bạn nên giảm tốc độ và chú ý để dự đoán các tình huống như cửa xe mở đột ngột hoặc người bất ngờ xuất hiện từ phía sau xe hoặc từ dưới bóng xe.



普通免許（ふつうめんきょ）を受（う）けて1年（いちねん）を経過（けいか）していない初心運転者（しゅしんうんてんしゃ）が普通自動車（ふつうじどうしゃ）を運転（うんてん）するときは、その前（まえ）と後ろ（うしろ）の定（さだ）められた位置（いち）に初心運転者標識（しゅしんうんてんしゃひょうしき）をつけなければならない。Khi lái xe ô tô thường cho người mới lái chưa trải qua một năm kể từ khi nhận bằng lái thông thường, người lái phải gắn biển tín hiệu cho người mới lái ở vị trí được quy định trước và sau xe.

駐車場（ちゅうしゃじょう）などの道路（どうろ）に面（めん）した場所（ばしょ）へ左折（させつ）しようとするときは、あらかじめできるだけ道路の左端（ひだりはし）に寄（よ）るよりも、その直前（ちよくぜん）で道路の左端（ひだりはし）に寄（よ）り、徐行（じょこう）しなければならない。

Khi muốn rẽ trái vào một vị trí đối diện với một bãi đỗ xe hoặc một nơi tiếp giáp với đường, bạn phải tiến hành việc lái xe tiến vào phần bên trái của đường giao thông trước khi đến gần điểm rẽ, thay vì tiến vào phần bên trái của đường từ trước đó. Bạn phải điều chỉnh tốc độ xuống và di chuyển chậm.

横断歩道（おうだんほどう）や自転車横断帯（じてんしゃおうだんたい）に近づいた時（とき）、横断（おうだん）する歩行者（ほこうしゃ）や自転車（じてんしゃ）がいないことが明（あき）らかなときでも、その直前（ちよくぜん）で停止（ていし）できるように速度（そくど）を落（お）として進（すす）まなければならない。

Khi tiến đến gần vạch dành cho người đi bộ qua đường hoặc vạch dành cho xe đạp qua đường, ngay cả khi không có người đi bộ hoặc xe đạp đang đi qua rõ ràng, bạn vẫn phải giảm tốc độ và điều chỉnh tốc độ để có thể dừng lại ngay trước đó.

カーブでは、その手前（てまえ）の直線部分（ちよくせんぶぶん）で十分（じゅうぶん）に減速（げんそく）をして、ハンドルはゆっくり切（き）るようにする。

Trên đoạn cua, hãy giảm tốc độ đáng kể trên đoạn thẳng trước đó và xoay vô-lăng một cách nhẹ nhàng.

運転者（うんてんしゃ）はドアロックをする必要（ひつよう）はありませんが、シートベルトは着用（ちゃくよう）しなければなりません。
Người lái xe không cần khóa cửa xe, nhưng phải đeo dây an toàn.

同一（どういつ）の方向（ほうこう）に二つ（ふたつ）の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）がある場合（ばあい）、右側（みぎがわ）の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）を通行（つうこう）します。
Trong trường hợp có hai làn đường xe chạy cùng một hướng, hãy đi trên làn đường bên phải.



この標識（ひょうしき）は、車両通行（しゃりょうつうこう）止（ど）めの標識（ひょうしき）である。
Biển báo này là biển cấm xe cộ đi qua.

普通自動車（ふつうじどうしゃ）で車両総重量（しゃりょうそうじゅうりょう）が750キログラムの車をけん引（けんいん）するときは、けん引する自動車（じどうしゃ）の免許（めんきょ）のほかにけん引免許（けんいんめんきょ）が必要（ひつよう）である。
Khi kéo một chiếc xe oto thông thường có trọng lượng toàn bộ là 750 kilogram, ngoài bằng lái xe của chiếc xe kéo, còn cần phải có bằng lái kéo xe.



この標識（ひょうじ）は、ロータリありを示（しめ）している。
Biển báo này chỉ ra sự có một vòng xoay (rotonda).



この標識（ひょうしき）は、「一方通行（いっぽうつうこう）」の標識（ひょうしき）である。
Biển báo này chỉ ra "Hướng một chiều".

交差点（こうさてん）（環状交差点を除く-かんじょうこうさてんをのぞく）で右折（うせつ）または左折（させつ）をする場合（ばあい）の合図（ごうし）を行（おこな）う場所（ばしょ）は、その行為（こうい）をしようとする約3 秒前（ぜん）にしなければならない。

Ở các giao lộ (trừ giao lộ vòng), khi muốn rẽ phải hoặc rẽ trái, việc ra hiệu phải được thực hiện khoảng 3 giây trước khi thực hiện hành động đó.

歩行者（ほこうしゃ）のいる安全地帯（あんぜんちたい）のそばを通行（つうこう）するときは、徐行（じょこう）しなければならない。

Khi đi ngang qua khu vực an toàn có người đi bộ, bạn phải giảm tốc độ.



自動車（じどうしゃ）は、この標識（ひょうしき）のある道路（どうろ）では、道路に面した場所（ばしょ）に出入（でいり）するために、矢印（やじるし）の方向（ほうこう）に横断（おうだん）をしてはいけない。

Trên đường có biển báo này, xe ô tô không được đi ngang ngay theo hướng mũi tên để ra/vào từ vị trí tiếp giáp với đường.

片側（かたがわ）が転落（てんらく）のおそれのあるガケになっている狭い道路（みち）での行き違（ちが）いは、ガケ側（がけがわ）の車があらかじめ安全（あんぜん）な場所（ばしょ）に停止（ていし）して、道を譲（ゆず）るようにする。

Khi gặp nhau trên một con đường hẹp với một bên là vực có nguy cơ rơi xuống, xe ở phía vực nên dừng lại ở một vị trí an toàn trước, nhường đường cho xe khác đi.

大型自動車（おおがたじどうしゃ）のすぐ後ろ（うしろ）を通行（つうこう）しているときは、前方（ぜんぽう）の状況（じょうきょう）が見えないので、二つ（ふたつ）の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）にまたがって通行（つうこう）してもよい。

Khi đang di chuyển sau một xe ô tô lớn, vì không thể nhìn thấy tình huống phía trước, bạn được phép đi qua hai làn đường xe cùng lúc.

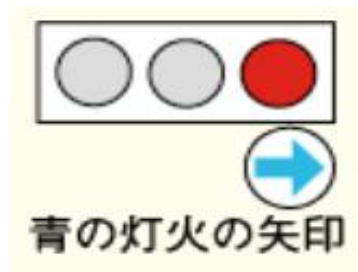
エアバッグを備（そな）えている自動車（じどうしゃ）で、時速（じそく）30キロメートル以下（いか）で走行（そうこう）するときにはシートベルトの着用（ちゃくよう）が免除（めんじょ）される。

Trên ô tô được trang bị túi khí, khi di chuyển dưới tốc độ 30 km/h, việc mặc bảo hiểm an toàn (dây an toàn) được miễn trừ.



この標識（ひょうしき）は、車両通行止（つうこうどめ）めを表（あらわ）している。

Biển báo này biểu thị cấm xe cơ giới đi qua.



図（ず）のような青色（あおいろ）の右向（みぎむ）きの灯火（とうか）の矢印（やじるし）は、自動車（じどうしゃ）は停止位置（ていしいち）で一時停止（いちじていし）し、安全確認（あんぜんかくにん）して右折（うせつ）することができる。

Biểu tượng mũi tên màu xanh dương hướng sang phải như hình vẽ, cho biết xe ô tô phải dừng tại vị trí dừng tạm thời, kiểm tra an toàn và có thể rẽ phải.



この標示（ひょうじ）は、自転車専用通行帯（じてんしゃせんようつうこうたい）である。

Biển báo này cho biết đây là làn đường dành riêng cho xe đạp.

標識（ひょうしき）や標示（ひょうじ）で規制（きせい）されていない一般道路（いっぱんどうろ）の普通貨物自動車（ふつうかもつじどうしゃ）の最高速度（さいこうそくど）は、時速（じそく）50キロメートルを超（こ）えて走行（そうこう）してはならない。

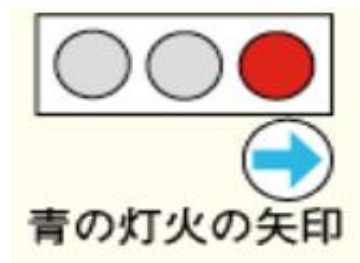
Tốc độ tối đa cho xe tải thông thường trên đường bình thường không được quy định bởi biển báo hoặc đánh dấu là không vượt quá 50 km/h.

踏切（ふみきり）内（ない）では、エンストを防止（ぼうし）するため、発進（はっしん）したときの低速（ていそく）ギアのまま変速（へんそく）せず（いっき）に一気（いっき）に通過（つうか）するのがよい。

Trên phần đường ngang qua đường tàu, để tránh tình trạng tắt máy, tốt nhất là khi khởi động xe, không chuyển số từ số ga nhỏ và đi qua mà không chuyển số

道路（どうろ）外（がい）に出（で）るため歩道（ほどう）を横切（よこぎ）るときは、歩行者（ほこうしゃ）がいるときは一時停止（いちじていし）し、いなければ徐行（じょこう）で通行（つうこう）することができる。

Khi băng qua vỉa hè để ra khỏi đường, nếu có người đi bộ, bạn phải dừng xe tạm thời, nếu không có người đi bộ, bạn có thể tiếp tục di chuyển với tốc độ chậm.



この信号（しんごう）に対面（たいめん）する自動車（じどうしゃ）は、停止位置（ていしち）を越（こ）えて矢印（やじるし）の方向（ほうこう）へ進むことができる。

Các xe ô tô đối diện với tín hiệu này có thể di chuyển vượt qua vị trí dừng và đi theo hướng mũi tên.



この標示（ひょうじ）は、通行（つうこう）することはできるが、この中（なか）で停止（ていし）してはならないことを示（しめ）している。Biển báo này cho phép xe đi qua nhưng không được dừng lại trong phạm vi này.

車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）のないトンネル内（ない）で、ほかの自動車を追越（ついこ）すために進路（しんろ）を変（か）えた。

Tôi đã thay đổi hướng di chuyển để vượt xe khác trong đường hầm không có làn đường xe.



この標識（ひょうしき）のある道路（どうろ）では、大型自動二輪車（おおがたじどうにりんしゃ）や普通自動二輪車（ふつうじどうにりんしゃ）は通行（つうこう）できないが、原動機付き自転車（げんどうきつきじてんしゃ）は通行することができる。

Trên con đường có biển báo này, xe mô-tô hai bánh lớn và xe mô-tô hai bánh thông thường không được phép đi qua, nhưng xe đạp điện có động cơ được phép đi qua.



この標識（ひょうしき）は、車両通行止め（しゃりょうつうこうどめ）と車両進入禁止（しゃりょうしんにゆうきんし）の標識（ひょうしき）である。Biển báo này chỉ cấm xe cơ giới đi qua và cấm xe cơ giới vào.



この標示（ひょうじ）のある道路（どうろ）では、時速30キロメートルを超（こ）える速度（そくど）で運転（うんてん）しなければならない。

Trên con đường có biển báo này, bạn phải lái xe với tốc độ không vượt quá 30 kilômét mỗi giờ.

運転者（うんてんしゃ）が危険（きけん）を感（かん）じてからブレーキを踏（ふ）み、ブレーキが実際（じっさい）に効（き）き始（はじ）めるまでの間（あいだ）に走（はし）る距離（きょり）を空走距離（くうそうきょり）という。

Khoảng cách mà xe chạy trong thời gian từ khi người lái cảm thấy nguy hiểm cho đến khi phanh bắt đầu có hiệu lực được gọi là khoảng cách dừng.



この標示（ひょうじ）の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）は、規制時間（きせいじかん）以外（いがい）に指定（してい）された自動車（じどうしゃ）が後方（こうほう）から接近（せっきん）してきても、この車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）から出（で）る必要（ひつよう）はない。

Khi có biển chỉ định là làn đường dành riêng cho phương tiện, trong thời gian không bị hạn chế, ngay cả khi có xe phía sau tiếp cận, các phương tiện được chỉ định không cần rời khỏi làn



この標示（ひょうじ）の車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）は、規制時間（きせいじかん）以外（いがい）に指定（してい）された自動車（じどうしゃ）が後方（こうほう）から接近（せっきん）してきても、この車両通行帯（しゃりょうつうこうたい）から出る必要（ひつよう）はない。

Làn đường dành riêng cho phương tiện có biển chỉ định này, trong thời gian không bị hạn chế,

同一（どういつ）の方向（ほうこう）に進行（しんこう）しながら進路（しんろ）を変（か）えようとするときには、進路を変（か）えようとするときに合図（ごうず）を行（おこな）う。Khi bạn muốn thay đổi hướng di chuyển trong cùng một hướng, hãy thực hiện tín hiệu rẽ hướng khi bạn muốn thay đổi hướng di chuyển.

踏切（ふみきり）内（ない）では、落輪（らくりん）しないように歩行者（ほこうしゃ）や自転車（じてんしゃ）に注意（ちゅうい）して、やや左寄（ひだりよ）りを通過（つうか）するのがよい。

Trong khu vực ngã tư đường tàu, hãy chú ý đến người đi bộ và xe đạp để tránh tai nạn và đi sát về phía trái để tránh rơi bánh xe.

近（ちか）くに交差点（こうさてん）のない道路（どうろ）で緊急自動車（きんきゅうじどうしゃ）に進路（しんろ）をゆずるときは、道路（どうろ）の左側（ひだりがわ）に寄（よ）ってゆずれば、一時停止（いちじていし）の必要（ひつよう）はない。

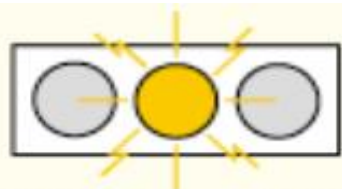
Khi nhường đường cho xe cứu thương trên một con đường không có ngã tư gần đó, nếu bạn di chuyển gần bên trái đường và nhường đường, không cần phải dừng lại tạm thời.

環状交差点（かんじょうこうさてん）に入（はい）ろうとするときは、環状交差点内（かんじょうこうさてんない）を通行（つうこう）する車（くるま）や路面電車（ろめんでんしゃ）の通行（つうこう）を妨（さまた）げなければ、徐行（じょこう）する必要（ひつよう）はない。

Khi bạn muốn vào một ngã tư vòng (khu vực tròn) thì không cần phải giảm tốc độ nếu không làm cản trở xe ô tô hoặc xe điện đang đi qua trong khu vực ngã tư vòng.

一方通行（いっぽうつうこう）の道路から右折（うせつ）するとき、あらかじめできるだけ道路の右端（みぎはし）に寄（よ）り、交差点（こうさてん）の中心（ちゅうしん）の内側（うちがわ）を減速（げんそく）しながら通行（つうこう）しなければならない。

Khi rẽ phải từ một con đường một chiều, bạn nên tiến gần vào phía bên phải của đường trước và đi qua phần bên trong của ngã tư trong khi giảm tốc độ.



黄の灯火の点滅

この灯火（とうか）に対面（たいめん）する自動車（じどうしゃ）が、時速（じそく）50キロメートルから時速20キロメートルまで減速（げんそく）して通行（つうこう）した。

Xe ô tô đối diện với đèn giao thông này đã giảm tốc độ từ 50 km/h xuống còn 20 km/h để đi qua.

こう配（くはい）の急（きゅう）な下り坂（くだりざか）で、追い越し（おいこし）禁止（きんし）の標識（ひょうしき）がないところでも、原動機付（げんどうきつき）自転車（じてんしゃ）を追い越すことはできない。

Tại đoạn đường dốc xuống gấp như này, ngay cả khi không có biển cấm vượt, bạn cũng không được vượt xe máy gắn động cơ.



この標識（ひょうしき）のある交差点（こうさてん）で原動機付自転車（げんどうきつきじてんしゃ）は、自動車（じどうしゃ）と同じ方法（ほうほう）で右折（うせつ）しなければならない。Xe đạp máy gắn động cơ tại ngã tư có biển báo như này phải rẽ phải theo cách tương tự như ô tô.

信号（しんごう）に従（したが）って交差点（こうさてん）を左折（させつ）するとき、バックミラーなどで安全（あんぜん）を確認（かくにん）できるときは徐行（じょこう）しなくてもよい。（環状交差点（かんじょうこうさてん）は考（かんが）えないものとする）

Khi rẽ trái tại ngã tư theo tín hiệu đèn, nếu bạn có thể xác nhận an toàn bằng gương hậu hoặc các phương tiện khác, bạn không cần phải giảm tốc độ. (Giả sử

安全地帯（あんぜんちたい）のある路面電車（ろめんでんしゃ）の停留所（ていりゅうじょ）で路面電車が止（と）まっているとき、人（ひと）がいないときは徐行（じょこう）しないでそのまま通過（つうか）できる。Khi xe điện ngầm đang dừng tại bến xe có vùng an toàn, nếu không có người, bạn có thể đi qua mà không cần giảm tốc độ.